

Bản án số: 49/2025/HS-PT
Ngày: 19/5/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Bắc

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thái Hùng

Ông Hoàng Trí Thức

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Đài Trang - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên*

tòa: Bà Nghiêm Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 199/2024/TLPT-HS ngày 25 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1990 tại Thanh Hóa; Thường trú: thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Tạm trú và chỗ ở: A khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Thu mua phế liệu; Con ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị T2; Là con thứ tư trong gia đình có 05 anh chị em; có vợ là Tạ Thị Lan P và 02 con, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 28/5/2016, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã D (nay là Công an thành phố D), tỉnh Bình Dương khởi tố về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại Điều 104 Bộ luật Hình sự theo Quyết định khởi tố bị can số 431. Đến ngày 16/6/2016, được trả tự do theo Biên bản trả tự do cho tội nay. Ngày 26/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An đề nghị truy tố.

Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo khác, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nhưng không kháng cáo, không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Toà án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/3/2024, Nguyễn Văn T có trao đổi thu mua sắt phế liệu của Công ty TNHH X thông qua nhân viên công ty là chị Hồ Thị N với giá thỏa thuận là 10.000 đồng/1kg và T sẽ đến tại công trình đang xây dựng thuộc Khu công nghiệp Đ ở xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để thu mua. Ngày 02/3/2024, T gọi và gặp Nguyễn Đình T3 để đến huyện Đ chở sắt phế liệu chị N bán. Do muốn kiếm được nhiều lợi nhuận, nên T hỏi và T3 hướng dẫn cho Tư cách T4 bơm nước vào bồn rồng để nâng trọng lượng xe khi chưa có hàng, sau khi lấy hàng thì xả hết nước trong bồn ra ngoài trước khi cân xe lại lần hai, khối lượng nước xả ra tương đương với 5.000kg hàng hóa gian lận. T đồng ý thuê xe của T3 giá 2.500.000 đồng.

Khoảng 06h00' ngày 03/3/2024, sau khi nhận xe từ T3, T tự bơm nước vào bồn chứa nước sau đó thuê tài xế Quách Công D chạy xe từ phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương đến khu công nghiệp Đ I để mua phế liệu như đã thỏa thuận trước đó với chị N. Chị N và T cùng đi đến trạm cân của Công ty H tại tổ D, ấp P, xã P, huyện Đ để cân trọng lượng xe ô tô tải biển số 61H-106.80 trước khi bốc sắt phế liệu, bồn trên xe có nước xác định trọng tải xe là 14.810kg. Trong lúc bốc hàng T nói riêng cho D biết bồn trên xe có nước, rồi hướng dẫn cho D vị trí van xả nước và dặn D xả hết nước trong bồn ra ngoài. Khoảng 11h30' cùng ngày, khi mọi người không để ý nên D đã mở van xả hết nước theo yêu cầu của T. Sau khi bốc xong sắt phế liệu lên xe, T và chị N quay lại cân tại Công ty H xác định trọng lượng xe và sắt là 17.680kg (xe không có nước trong bồn chứa). Chị N yêu cầu tiếp tục cân xe và sắt tại trạm cân của Công ty N1 trong khu công nghiệp Đ I xác định trọng lượng xe và sắt là 17.750kg (vì khi cân xe tại Công ty N1, D ngồi trên xe nên có sự chênh lệch 70kg). T và chị N thống nhất lấy kết quả cân tại Công ty N1 để tính tiền mua phế liệu ($17.750\text{kg} - 14.810\text{kg} = 2.940\text{kg}$). T đồng ý mua 10.000 đồng/kg nên chuyển khoản cho chị N 29.400.000 đồng.

Trong quá trình D xả nước, người dân nhìn thấy nên đã trình báo. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã đưa T, D cùng xe ô tô tải biển số 61H-106.80 chở sắt phế liệu về làm việc, đồng thời triệu tập T3 để lấy lời khai. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Nguyễn Văn T, Nguyễn Đình T3 và Quách Công D đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên. Ngày 06/3/2024, Cơ quan công an huyện Đ đã cân lại xe ô tô tải biển số 61H-106.80 tại công ty H khi xe không có sắt, không có nước, trên xe không có tài xế, xác định xe có trọng lượng 9.650kg. Theo đó, số sắt phế liệu chênh lệch mà T, D và T3 dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của Công ty TNHH X là 5.160kg, tương đương 51.600.000 đồng.

* Bản kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS ngày 08/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: “sắt phế liệu 01 ký có giá là 8.000 đồng”.

*** Vật chứng vụ án:**

Ngày 07/5/2024 và ngày 17/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu hợp pháp, gồm:

- Trả 8.100kg sắt phế liệu cho Nguyễn Văn T (do T đã giao đủ tiền cho chị N).

- 01 điện thoại iPhone 14 Promax màu đen 128GB (imei: 352632924740727), gắn sim số 0971676412 (seri sim: 8984048000318376210) thu giữ của Quách Công D, là tài sản của chị Lê Thị T5 (vợ của T3).

- 01 giấy phép lái xe hạng C số 790186046245 mang tên Quách Công D.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ (nay là huyện L) đang bảo quản:

- 01 xe ô tô tải màu trắng biển số 61H-106.80, nhãn hiệu DAEWOO, loại xe tải có khung mui, số loại F6CBA2, SM: DE08TIS304658CB, SK: KL3F6CBA24K000028; dung tích xilanh 8.701cm³, công suất 222kw, năm sản xuất 2004, số chỗ ngồi 03 chỗ, trọng tải 7.500 kg; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 61003847 tên chủ xe Lê Thị V do Công an Thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/3/2023 và 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số EB 0385226 ngày 15/11/2023 của Chi nhánh Công ty TNHH V1, thành phố T, tỉnh Bình Dương thu giữ của T3.

- 01 điện thoại di động VIVO màu vàng (imei1: 867218030329478; imei2: 867218030329460), gắn sim số 0961555379 (sêri sim: 8984048000057310606) thu giữ của T.

Đối với điện thoại của T3 hiện đã bị rơi mất nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ (nay là huyện L) không thu giữ được.

*** Trách nhiệm dân sự:**

Nguyễn Văn T đã thoả thuận mua 5.160 kg sắt phế liệu của Công ty TNHH X với giá 10.000đ đồng/kg thông qua chị N. Chị N đã nhận đủ 51.600.000 đồng và không có yêu cầu bồi thường, gửi đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho T, T3 và D.

2. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Đ (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Lừa dối khách hàng; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 198, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

3. Ngày 02/10/2024, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

4. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên kháng cáo, khai nhận hành vi phạm tội.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xét xử vụ án:

Về tố tụng: Bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Lừa dối khách hàng, xử phạt bị cáo 12 (Mười hai) tháng tù là phù hợp với nhân thân, tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm chứng cứ hay tài liệu nào mới để xem xét cho kháng cáo của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

6. Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, nói lời sau cùng thể hiện thái độ ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:*

Kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định của pháp luật về chủ thể, hình thức và nội dung đơn kháng cáo, là kháng cáo hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] *Về tội danh và Điều luật áp dụng:*

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và lời khai trong quá trình điều tra cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Từ đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận:

Quá trình thoả thuận, thực hiện việc mua bán sắt phế liệu của Công ty TNHH X theo đơn giá 10.000 đồng/kg, bị cáo Nguyễn Văn T đã cấu kết cùng chủ xe ô tô cho thuê Nguyễn Đình T3 và lái xe Quách Công D, thống nhất dùng thủ đoạn gian dối thông qua việc bơm xả nước trong bồn nước gắn trên xe trong quá trình cân xe xác định khối lượng hàng mua bán, tính gian khối lượng hàng hoá 5.160kg sắt phế liệu, thu lợi bất chính 51.600.000 đồng trong ngày 03/3/2024 tại khu công nghiệp Đ ở xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Lừa dối khách hàng” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 198 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. *Xét kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ của bị cáo:*

Hành vi của bị cáo xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH X, gây mất niềm tin, ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh. Là công dân trưởng thành, phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần, bị cáo nhận thức rõ hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện để thỏa mãn nhu cầu vật chất của bản thân.

Vì vậy, phải có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện, để đảm bảo tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục và đấu tranh phòng ngừa chung, đồng thời nêu cao tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ: bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả, bị hại có đơn bãi nại, theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 (Mười hai) tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của bị cáo, thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không bổ sung tình tiết nào mới làm căn cứ xem xét cho kháng cáo của bị cáo. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở nên Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. *Về án phí:* Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 43/2024/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa dối khách hàng”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 198, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (19/5/2025).

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- PV 27 Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Tòa án nhân dân huyện L;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện L;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L;
- Bị cáo;
- Lưu (3): Hồ sơ, Toà Hình sự, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Minh Bắc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thái Hùng

Hoàng Trí Thức

Trần Minh Bắc